

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: **449/2024/HS-PT**

Ngày 18 - 9 - 2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Minh;

Các thẩm phán: Ông Trần Phương Đông;

Ông Nguyễn Xuân Quang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Kim Hải - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 263/2024/TLPT-HS ngày 25 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo **Nguyễn Văn N**, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 238/2024/HS-ST ngày 17/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Bị cáo có kháng cáo: **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1964 tại Đồng Nai; Nơi thường trú: **Khu L, ấp A, xã L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai**; nghề nghiệp: Y tá; trình độ văn hóa: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng (đoàn): không có; con ông **Nguyễn Văn N1** và bà **Lê Thị X**; bị cáo có vợ tên **Lê Thị T** và có 02 con chung.

Tiền án; tiền sự: Không

Bị tạm giam ngày 18/12/2023, ngày 18/7/2024 được trả tự do.

Người bào chữa cho bị cáo N: Ông Lê Kiên L và bà Nguyễn Trần Cẩm G – Luật sư Công ty L4 thuộc Đoàn luật sư thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 14/3/2023, Nguyễn Văn N cùng 29 người dân cùng ngụ tại xã L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai đến trụ sở Đoàn đại biểu Quốc Hội tỉnh Đồng Nai gửi 02 đơn khiếu nại, tố cáo của người dân xã L liên quan đến việc thu hồi đất và bồi thường tái định cư thuộc “Dự án khu đô thị sinh thái, kinh tế mở L” do Liên hiệp Hợp tác xã N3 (D - là chủ đầu tư) và yêu cầu Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Nai chuyển 02 đơn trên đến Ban D. Nhuận đại diện cho một số người dân xã L bị thu hồi đất gửi đơn khiếu nại, tố cáo và đã được Đoàn đại biểu Quốc Hội tỉnh Đồng Nai tiếp nhận đơn, đồng thời làm thủ tục chuyển đơn đến Ban Dân nguyện và Tổng Bí thư D.

Trong khoảng thời gian từ ngày 21/3/2023 đến ngày 27/6/2023, Nhuận tiếp tục cùng một số người dân xã L nhiều lần đến trụ sở Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Nai hỏi về kết quả giải quyết đơn. Đến ngày 10/7/2023, Đoàn đại biểu Quốc Hội tỉnh Đồng Nai có văn bản số 109/ĐĐBQH-VP thông tin về việc xử lý đơn cho N. Sau đó, từ ngày 11/7/2023 đến ngày 19/9/2023, N tiếp tục nhiều lần đến Đoàn đại biểu Quốc hội yêu cầu cung cấp cho Nhuận Văn bản số 230/VP-CTQH ngày 27/7/2023 của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc Hội tỉnh Đ về việc chuyển đơn của N đến Ban D1, sau khi làm việc với cán bộ tiếp dân tại Đoàn đại biểu Quốc hội, N cùng một số người dân đi về.

Do chưa được Đoàn đại biểu Quốc hội cung cấp Văn bản số 230/VP-CTQH ngày 27/7/2023, nên vào ngày 09/10/2023 N sử dụng điện thoại di động hiệu Viettel số thuê bao 0937647675 nhắn tin cho bà Ngô Thị Xuân T1 với nội dung đến cơ quan Tỉnh Ủ và Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Nai hỏi về kết quả giải quyết đơn khiếu nại. Khoảng 13 giờ 50 phút ngày 10/10/2023, N mang theo 01 băng rôn có dán dòng chữ nội dung: “CHÚNG TÔI YÊU CẦU TỔNG BÍ THƯ NGUYỄN PHÚ TRỌNG – TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG TRUNG ƯƠNG CHỈ ĐẠO BAN NỘI CHÍNH TRUNG ƯƠNG, ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG VÀO CUỘC XÁC MINH VÀ XỬ LÝ SAI PHẠM CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY, BAN CÁN SỰ ĐẢNG Ủ VỚI DỰ ÁN “KHU ĐÔ THỊ KINH TẾ MỞ LONG HUNG” TẠI XÃ LONG HUNG, TP. BIÊN HÒA” rồi cùng với 23 người dân bị thu hồi đất tại xã L, thành phố B gồm:

Bà Ngô Thị Xuân T1 (sinh năm: 1960, thường trú tại 3, khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai); Nguyễn Xuân Q (sinh năm: 1959, thường trú tại 2/7, N, phường Đ, quận A, thành phố Hồ Chí Minh); bà Lê Ngọc Đ (sinh năm:

1966, thường trú tại F, ấp F, xã V, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh); ông Lê Minh T2 (sinh năm: 1972, thường trú tại B, khu phố A, phường A, thành phố B); ông Nguyễn Văn L1 (sinh năm: 1958), ông Hứa Hòa T3 (sinh năm: 1953), bà Lê Thị S (sinh năm: 1954), ông Phạm Văn T4 (sinh năm: 1932), bà Lê Hồng Q1 (sinh năm 1966), bà Nguyễn Thị H (sinh năm 1962), bà Lê Thị Thu T5 (sinh năm 1961), ông Phan Văn H1 (sinh năm 1959), ông Lý Văn H2 (sinh năm 1958) thường trú tại ấp A, xã L; Bà Nguyễn Thị Thùy L2 (sinh năm: 1979), ông Đoàn Hoàng N2 (sinh năm: 1957), ông Lê Quang H3 (sinh năm: 1978), ông Trương Văn L3 (sinh năm: 1974), bà Lâm Thị T6 (sinh năm 1965) thường trú tại ấp P, xã L và 05 người dân (chưa rõ lai lịch) đi đến trụ sở Tỉnh Ủ và tập trung trên vỉa hè tại phía trước nhà số A, khu phố C, phường Q, thành phố B (đối diện cách cổng trụ sở Tỉnh ủy Đ1 khoảng 40m). Nhuận đưa tấm băng rôn cho nhóm người dân đi cùng căng ra, rồi Nhuận hô khẩu hiệu với các nội dung: Yêu cầu đồng chí Nguyễn Phú T7 – Trưởng ban phòng chống tham nhũng Trung ương chỉ đạo Cơ quan điều tra, các Cơ quan phòng chống tham nhũng điều tra làm rõ sai phạm của các quan chức Lãnh đạo thuộc Ban thường vụ Tỉnh Ủy, Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh Đ có liên quan đến dự án “Khu đô thị K”, tại xã L, thành phố B; Yêu cầu Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Nai thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo của người dân xã L và cung cấp văn bản số 230/VP-CTQH ngày 27/7/2023 về việc chuyển đơn đến Ban D; Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Nai có dấu hiệu bao che, dung túng cho sai phạm của các quan chức Lãnh đạo tỉnh Đồng Nai, cố tình trì hoãn việc chuyển đơn của người dân xã L đến Ban dân nguyện và đồng chí Nguyễn Phú T7... Các nội dung yêu cầu trên được Nhuận hô nhiều lần, sau mỗi lần N hô khẩu hiệu, nhóm người dân đi cùng giơ tay và đồng thanh hô “YÊU CẦU” 03 lần. Sự việc diễn ra đến khoảng 14 giờ cùng ngày, khi được cán bộ cơ quan Tỉnh Ủy tỉnh Đ1 giải thích và hướng dẫn qua trụ sở Đoàn đại biểu quốc hội Tỉnh Đồng Nai để được giải quyết thì N cùng nhóm người dân di chuyển sang trụ sở Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Nai.

Đến khoảng 14 giờ 10 phút cùng ngày, khi tới trụ sở Đoàn đại biểu quốc hội Tỉnh Đồng Nai, địa chỉ số C, đường C, khu phố D, phường Q, thành phố B, N cùng với bà T1, bà Q1 và ông Q đi vào trong phòng tiếp dân hỏi về kết quả chuyển đơn thì được cán bộ Đoàn đại biểu Quốc hội tiếp dân thông báo anh Phạm Nguyễn Hoài P (Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội) đi công tác và lập biên bản ghi nhận yêu cầu của N để báo cáo Lãnh đạo giải quyết sau. Tuy nhiên, N không đồng ý, nên đã cùng nhóm người dân tập trung trong khuôn viên và khu vực trên vỉa hè phía trước cổng trụ sở Đoàn đại biểu Quốc hội, sau đó, N đưa tấm băng rôn có nội dung như đã nêu trên cho nhóm người dân căng ra, rồi N tiếp tục hô các khẩu hiệu với nội dung tương tự như hô tại phía trước cổng trụ sở Tỉnh Ủy tỉnh Đ1, đồng thời yêu cầu ông Phạm Nguyễn Hoài P cung cấp văn bản số 230/VP-CTQH ngày

27/7/2023 cho N và người dân. Sau mỗi lần Nhuần hô khẩu hiệu, nhóm người dân đi cùng giơ tay và đồng thanh hô “YÊU CẦU” 03 lần. Sự việc Nhuần tham gia căng băng rôn, hô hào, tụ tập nhiều người dân dẫn đến có đông người đi đường dừng lại xem gây ảnh hưởng đến trật tự công cộng và hoạt động của cơ quan nhà nước. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi được cán bộ Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Nai vận động về việc sẽ trả lời đơn, lúc này N mới chịu thu xếp băng rôn cùng nhóm người dân ra về.

Tại Bản án số: 238/2024/HS-ST ngày 17/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, đã quyết định đối với bị cáo Nguyễn Văn N như sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 318, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/12/2023.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 27/5/2024 bị cáo Nguyễn Văn N kháng cáo bản án sơ thẩm kêu oan.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm: Căn cứ vào các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đối chiếu với lời khai của bị cáo tại phiên tòa đã có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại khoản 1 Điều 318; Mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 07 tháng tù là phù hợp với hành vi, tính chất mức độ của bị cáo đã thực hiện. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo có đơn kháng cáo kêu oan và không có tình tiết nào khác chứng minh cho kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Trình bày bào chữa của Luật sư G: Căn cứ các tài liệu chứng cứ, diễn biến sự việc thì kháng cáo kêu oan của bị cáo là có cơ sở, bản án sơ thẩm nhận định hành vi không đúng thực tế khách quan, chưa phù hợp quy định pháp luật, luật sư thừa nhận rằng bị cáo đã có hành vi tụ tập đông người gây mất trật tự công cộng. Tuy nhiên hành vi của bị cáo đáng lẽ ra chỉ bị xử phạt hành chính, cơ quan tố tụng chưa chứng minh được hậu quả gây mất trật tự như thế nào, văn bản của các cơ quan cũng chỉ trả lời chung chung, bị cáo không rủ rê, kích động hô hào, việc cung cấp băng rôn không chứng minh việc hô hào kích động. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, căn cứ điểm d khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 hủy bản án sơ thẩm số: 238/2024/HS-ST ngày 17/5/2024 của Tòa án nhân dân

thành phố Biên Hòa, tuyên bị cáo **Nguyễn Văn N** không phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” và đình chỉ vụ án.

Trình bày bào chữa của Luật sư L: Thống nhất bài bào chữa của Luật sư **G**, bổ sung rõ mục đích bị cáo và những người khác đi là khiếu nại, tố cáo, chính là công văn 230, việc khiếu nại của người dân liên quan khu kinh tế **xã L** có phần đúng nên gây bức xúc cho người dân, đơn khiếu nại của người dân gửi Đoàn đại biểu Quốc hội nhưng Đoàn đại biểu Quốc hội không chuyển đơn khiếu nại của người dân đến đúng cơ quan có thẩm quyền. Kính mong Hội đồng xét xử đánh giá lại khách quan toàn diện vụ án vì theo luật sư cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm kết luận bị cáo phạm tội chỉ dựa vào tình tiết định tội ảnh hưởng xấu là mang tính định tính vì chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo hủy bản án sơ thẩm tuyên bị cáo không phạm tội và đình chỉ vụ án.

Bị cáo nói lời sau cùng: Căn cứ vào mô tả của **L5** về 06 hành vi của tội gây rối trật tự công cộng thì bị cáo không thực hiện hành vi nào cả, do đó bị cáo khẳng định bị cáo không phạm tội, đề nghị hủy án tuyên bố bị cáo không phạm tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo **Nguyễn Văn N** vẫn giữ nguyên kháng cáo kêu oan vì bị cáo cho rằng hành vi bị cáo thực hiện không gây mất trật tự công cộng.

[2] Xét kháng cáo kêu oan của bị cáo:

Tại phiên tòa bị cáo **Nguyễn Văn N** đã thừa nhận bị cáo thực hiện hành vi như cáo trạng và Bản án sơ thẩm mô tả nhưng bị cáo cho rằng hành vi của bị cáo không phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ các bản tự khai, biên bản hỏi cung bị can, bản khai, các biên bản ghi lời khai của những người làm chứng, các Video clip đã có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 13 giờ 50 phút đến 16 giờ 30 phút ngày 10/10/2023, tại phía trước cổng trụ sở **Tỉnh ủy tỉnh Đ1** (nhà số

A, khu phố C, phường Q, thành phố B) và Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Đ (số C, đường C, khu phố D, phường Q, thành phố B) bị cáo Nguyễn Văn N có hành vi hô hào, sử dụng băng rôn để cùng với 23 người dân liên quan đến việc thu hồi đất thuộc dự án "Khu đô thị sinh thái, kinh tế mở xã L" tại xã L tập trung khiếu nại, tố cáo đông người. Trong đó, bị cáo N trực tiếp cung cấp 01 tấm băng rôn cho nhóm người dân căng ra, rồi bị cáo N nhiều lần hô, đọc khẩu hiệu với các nội dung yêu cầu làm rõ sai phạm của các vị Lãnh đạo thuộc Ban thường vụ Tỉnh ủy, Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh Đ liên quan đến dự án "Khu đô thị kinh tế mở L" và yêu cầu Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Nai thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo của người dân xã L và cung cấp văn bản số 230/VP-CTQH ngày 27/7/2023 về việc chuyển đơn đến Ban Dân nguyện, để cho những người dân đi cùng hô to "YÊU CẦU" lặp đi lặp lại nhiều lần gây mất trật tự công cộng và ảnh hưởng đến hoạt động của Tỉnh ủy tỉnh Đồng Nai, Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Nai và người dân.

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Như Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định và áp dụng thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, chưa có tiền án tiền sự, bị cáo có nhiều đóng góp trong việc chăm sóc sức khỏe cộng đồng tại địa phương. Tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ mới.

Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bị cáo phạm tội "Gây rối trật tự công cộng" quy định tại khoản 1 Điều 318 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và xử phạt bị cáo 07 tháng tù giam là tương xứng với mức độ, tính chất phạm tội, đúng người đúng tội. Bị cáo đã không đưa ra được những bằng chứng chứng minh nên kháng cáo kêu oan của bị cáo hoàn toàn không có căn cứ do đó không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

Quan điểm bào chữa của các Luật sư bào chữa cho bị cáo không phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên không ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Văn N**;

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 238/2024/HS-ST ngày 17/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Áp dụng khoản 1 Điều 318, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn N** 07 (bảy) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn tù tính từ ngày 18/12/2023. *(Ngày 18/7/2024 bị cáo **Nguyễn Văn N** được trả tự do vì đã chấp hành xong 07 (bảy) tháng tù theo Bản án sơ thẩm số: 238/2024/HS-ST ngày 17/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã tuyên).*

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ Luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa (2);
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa (1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai (1);
- Phòng hồ sơ - Công an tỉnh Đồng Nai (1);
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa (1);
- Cơ quan thi hành án hình sự - Công an TP. Biên Hòa (1)
- Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an TP. Biên Hòa.(1)
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai (1);
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Văn phòng và Thẩm phán (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thu Minh

